



Sở Lao động -  
Thương binh và  
Xã hội  
04.03.2022  
15:25:40 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ LAO ĐỘNG  
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Số: 7780 /SLĐTBXH-GDNN  
Về tổ chức kiểm tra hoạt động giáo dục  
nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố  
năm 2022.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Kg: Cô Minh Phát Cầu'Đào

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường Cao đẳng;
- Hiệu trưởng các trường Trung cấp;
- Giám đốc các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp;
- Thủ trưởng các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ Công văn số 325/UBND-VX ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động dịch vụ thẩm mỹ trên địa bàn Thành phố.

Căn cứ Công văn số 249/TCGDNN-PCTT ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

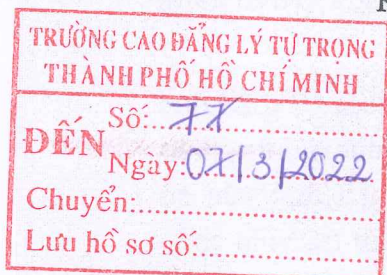
Căn cứ Quyết định số 44973/KH-SLĐTBXH ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về Chỉ đạo, điều hành trên lĩnh vực Lao động, người có công và Xã hội, Chương trình công tác năm 2022.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thông tin đến Thủ trưởng các đơn vị về việc tổ chức kiểm tra hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố năm 2022, cụ thể như sau:

**1. Nội dung kiểm tra hoạt động giáo dục nghề nghiệp**

**a. Việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp**

- Công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo, thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp, quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp.
- Công tác tuyển sinh, đào tạo cho đối tượng tuyển sinh là học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp các ngành, nghề trình độ trung cấp; việc thực hiện chính sách miễn học phí cho đối tượng này.
- Việc tuyển dụng, phân công giảng dạy đối với nhà giáo.



- Việc tổ chức đào tạo liên thông, liên kết đào tạo, đào tạo vừa làm vừa học. Việc mở địa điểm đào tạo mới ngoài trụ sở chính, phân hiệu, địa điểm đào tạo được cấp trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Việc cập nhật dữ liệu văn bằng tốt nghiệp theo Công văn số 385/LĐTBXH-TCGDNN ngày 06/02/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc cập nhật dữ liệu văn bằng giáo dục nghề nghiệp trên trang tra cứu văn bằng và Công văn số 297/TCGDNN-VP ngày 18/02/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc cập nhật dữ liệu văn bằng giáo dục nghề nghiệp trên trang tra cứu văn bằng.

- Công tác tự thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp theo Phiếu tự kiểm tra việc chấp hành pháp luật giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tại Công văn số 1631/TCGDNN-PCTT ngày 15/8/2019 về việc tự thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

- Việc công khai, minh bạch các điều kiện đảm bảo tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp (*cơ sở vật chất; thiết bị; dụng cụ đào tạo; đội ngũ nhà giáo; chương trình đào tạo*) đối với từng ngành, nghề tại từng điểm đào tạo của các trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên trang tin điện tử của từng trường, trung tâm theo hướng dẫn tại Công văn số 1857/TCGDNN-PCTT ngày 17/8/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc công khai các điều kiện đảm bảo hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Công văn số 1437/SLĐTBXH-GDNN ngày 15/01/2021 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công khai các điều kiện đảm bảo tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

*b. Việc thực hiện các điều kiện về thành lập trường, trung tâm và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo*

- Việc đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật dạy học, đội ngũ nhà giáo theo Đề án thành lập trường, trung tâm (*đối với các Trường, Trung tâm được thành lập từ năm 2018 đến thời điểm kiểm tra*).

- Việc đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật dạy học, đội ngũ nhà giáo, chương trình đào tạo theo Hồ sơ đăng ký/đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Hồ sơ chuyển đổi cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (*đối với các trường cao đẳng, trung cấp*).

**2. Công tác chuẩn bị:** Thủ trưởng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố thực hiện báo cáo hoạt động giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2019 – 2021 theo mẫu quy định tại **Phụ lục 1 (đính kèm)** và gửi về Sở Lao động

- Đ/c Nguyễn Chiến Thắng, Chuyên viên phòng Lao động – Tiền lương – Bảo hiểm xã hội;

- Đ/c Đinh Cao Tuấn, Chuyên viên phòng Việc làm – An toàn lao động;

- Đ/c Phạm Thị Thắm, Chuyên viên Văn phòng Sở;

- Đ/c Nguyễn Thị Kim Khánh, Chuyên viên phòng Giáo dục nghề nghiệp;

- Đ/c Ngô Huy Phương, Chuyên viên phòng Giáo dục nghề nghiệp.

**b. Nhiệm vụ Tổ kiểm tra**

- Tổ kiểm tra số 1 thực hiện kiểm tra các đơn vị có số thứ tự từ 01 đến 10 trong danh sách tại Phụ lục 2.

- Tổ kiểm tra số 2 thực hiện kiểm tra các đơn vị có số thứ tự từ 11 đến 20 trong danh sách tại Phụ lục 2.

- Các tổ kiểm tra tiến hành kiểm tra thực tế tại các đơn vị theo các nội dung tại khoản 1 nêu trên, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật dạy học hiện có của các đơn vị và các điều kiện đảm bảo an toàn trong công tác đào tạo đối với các khối ngành chăm sóc sức khỏe, chăm sóc sắc đẹp.

- Sau 15 ngày kết thúc đợt kiểm tra, phòng Giáo dục nghề nghiệp thuộc Sở có trách nhiệm tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả kiểm tra và tự kiểm tra của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, báo cáo Giám đốc Sở đúng thời gian quy định.

5. Các đơn vị có tên tại **Phụ lục 3 (đính kèm)** tiến hành tự kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục nghề nghiệp, các điều kiện đảm bảo chất lượng, đảm bảo an toàn trong công tác đào tạo. Báo cáo kết quả tự kiểm tra về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (phòng Giáo dục nghề nghiệp) **chậm nhất ngày 20 tháng 4 năm 2022**. Phòng Giáo dục nghề nghiệp thẩm định, đánh giá từng cơ sở, đề xuất báo cáo Giám đốc Sở theo quy định.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị Thủ trưởng các đơn vị căn cứ các nội dung được kiểm tra, tiến hành rà soát, chấn chỉnh hoạt động và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, sổ sách liên quan để công tác kiểm tra đạt kết quả tốt./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Tổng cục GDNN (để báo cáo);
- UBND quận, huyện, TP. Thủ Đức;
- P.LĐTĐBXH quận, huyện, TP. Thủ Đức;
- GD, các PGD Sở;
- Văn phòng Sở, Phòng VL-ATLĐ;
- Thanh tra Sở, Phòng LĐ-TL-BHXH;
- Lưu: VT, P.GDNN (CTh)



**GIÁM ĐỐC**

**Lê Minh Tấn**

– Thương binh và Xã hội (phòng Giáo dục nghề nghiệp, số 159 Pasteur phường Võ Thị Sáu Quận 3, email: [gdn.slđtbxh@tphcm.gov.vn](mailto:gdn.slđtbxh@tphcm.gov.vn)) trước ngày 13 tháng 3 năm 2022 (gửi email 02 tập tin: 01 tập tin định dạng mở rộng .PDF – có chữ ký và đóng dấu của đơn vị; 01 tập tin định dạng mở rộng .DOCX).

### 3. Thời gian, địa điểm, đơn vị kiểm tra

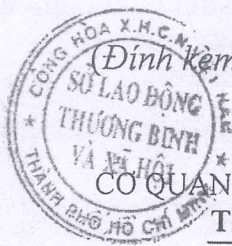
- Địa điểm: tại địa điểm hoạt động giáo dục nghề nghiệp của các đơn vị;
- Thời gian: từ tháng 15/3/2022 đến 30/4/2022.
- Danh sách đơn vị và tiến độ thực hiện theo **Phụ lục 2** (đính kèm).

### 4. Cơ cấu, nhiệm vụ các tổ kiểm tra:

#### a. Cơ cấu, thành phần tổ kiểm tra

Thành lập 02 tổ kiểm tra, cơ cấu thành phần tổ kiểm tra gồm:

- **Tổ kiểm tra số 1** (kiểm tra 10 đơn vị, chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm)
  - + *Tổ trưởng*: Đ/c Đặng Minh Sự, Trưởng phòng Giáo dục nghề nghiệp.
  - + *Thư ký*: Đ/c Nguyễn Thị Thanh Tuyền, Chuyên viên phòng Giáo dục nghề nghiệp.
  - + *Thành viên*:
    - Đ/c Võ Thị Xuân Hồng, Thanh tra viên Thanh tra Sở;
    - Đ/c Trần Thị Minh Phương, Chuyên viên phòng Lao động – Tiền lương – Bảo hiểm xã hội;
    - Đ/c Nguyễn Tiền Phong, Chuyên viên phòng Việc làm – An toàn lao động;
    - Đ/c Trần Du Thái, Chuyên viên Văn phòng Sở;
    - Đ/c Đoàn Thảo Nguyên, Chuyên viên phòng Giáo dục nghề nghiệp;
    - Đ/c Nguyễn Đức Trung, Chuyên viên phòng Giáo dục nghề nghiệp.
- **Tổ kiểm tra số 2** (kiểm tra 10 đơn vị, chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm)
  - + *Tổ trưởng*: Đ/c Nguyễn Chí Thành, Phó trưởng phòng, Phòng Giáo dục nghề nghiệp.
  - + *Thư ký*: Đ/c Nguyễn Việt Khanh, Chuyên viên phòng Giáo dục nghề nghiệp.
  - + *Thành viên*:
    - Đ/c Nguyễn Minh Hoàng Yến, Thanh tra viên Thanh tra Sở;



## Phụ lục 1

### Biểu mẫu báo cáo phục vụ công tác kiểm tra hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2022

(Đính kèm Công văn số 7780 /SLĐTĐBXH-GDNN ngày 04 tháng 3 năm 2022)

\*

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)  
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

## BÁO CÁO

### Hoạt động giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2019 - 2021

#### I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Địa chỉ các địa điểm đào tạo: (liệt kê đầy đủ)
- Điện thoại liên lạc:
- Email:
- Cơ quan chủ quản:
- Họ và tên Hiệu trưởng/Giám đốc:
- Điện thoại di động Hiệu trưởng/Giám đốc:
- Email:
- Họ và tên Phó Hiệu trưởng/Phó Giám đốc phụ trách đào tạo:
- Điện thoại di động Phó Hiệu trưởng/Phó Giám đốc phụ trách đào tạo:
- Email:
- Số lượng phòng chức năng: ..... phòng; gồm: (liệt kê đầy đủ).
- Số lượng Khoa/Tổ chuyên môn: ..... đơn vị; gồm: (liệt kê đầy đủ).

#### II. CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÀ TRƯỜNG

##### 1. Tổ chức cơ sở Đảng (nếu có)

- Tên tổ chức
- Tổ chức Đảng cấp trên quản lý:

- Số lượng đảng viên: ..... người, trong đó chính thức là: .... người.
- Đánh giá, nhận xét khái quát về tình hình tổ chức, sinh hoạt đảng của đơn vị trong thời gian từ ngày 01/01/2019 đến thời điểm báo cáo.

## 2. Tổ chức Công đoàn

- Tên tổ chức
- Tổ chức Công đoàn cấp trên quản lý:
- Số lượng công đoàn viên: ..... người.
- Đánh giá, nhận xét khái quát về tình hình tổ chức, sinh hoạt Công đoàn của đơn vị trong thời gian từ ngày 01/01/2019 đến thời điểm báo cáo.

## 3. Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản

- Tên tổ chức
- Tổ chức Đoàn TNCS cấp trên quản lý:
- Số lượng Đoàn viên: ..... người, trong đó: đoàn viên giáo viên – nhân viên là: ..... người; đoàn viên sinh viên – học sinh là: ..... người.
- Đánh giá, nhận xét khái quát về tình hình tổ chức, sinh hoạt Đoàn TNCS của đơn vị trong thời gian từ ngày 01/01/2019 đến thời điểm báo cáo.

## 4. Tổ chức bộ máy của đơn vị

### a) Về trình độ chuyên môn

| TT               | Đối tượng                                                        | Tổng | Chia theo trình độ |         |         |         |         |
|------------------|------------------------------------------------------------------|------|--------------------|---------|---------|---------|---------|
|                  |                                                                  |      | GS/PGS             | Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | Dưới ĐH |
| 1                | Ban giám hiệu/Ban giám đốc                                       |      |                    |         |         |         |         |
| 2                | Cán bộ quản lý<br>(Trưởng/Phó các Phòng,<br>Khoa, Tổ cấp trường) |      |                    |         |         |         |         |
| 3                | Nhà giáo cơ hữu                                                  |      |                    |         |         |         |         |
| 4                | Nhà giáo thỉnh giảng                                             |      |                    |         |         |         |         |
| 5                | Nhân viên, người lao động                                        |      |                    |         |         |         |         |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                                                  |      |                    |         |         |         |         |

b) Về nghiệp vụ sư phạm

| TT        | Đối tượng                                                        | Tổng | Chia theo trình độ |               |                     |                  |                                  |
|-----------|------------------------------------------------------------------|------|--------------------|---------------|---------------------|------------------|----------------------------------|
|           |                                                                  |      | NVSP<br>bậc 1      | NVSP<br>bậc 2 | Sư phạm<br>dạy nghề | Sư phạm<br>ĐH-CĐ | Tốt<br>nghiệp<br>ĐHSPKT,<br>ĐHSP |
| 1         | Ban giám hiệu/Ban giám đốc                                       |      |                    |               |                     |                  |                                  |
| 2         | Cán bộ quản lý<br>(Trưởng/Phó các Phòng,<br>Khoa, Tổ cấp trường) |      |                    |               |                     |                  |                                  |
| 3         | Nhà giáo cơ hữu                                                  |      |                    |               |                     |                  |                                  |
| 4         | Nhà giáo thỉnh giảng                                             |      |                    |               |                     |                  |                                  |
| 5         | Nhân viên, người lao động                                        |      |                    |               |                     |                  |                                  |
| TỔNG CỘNG |                                                                  |      |                    |               |                     |                  |                                  |

c) Về trình độ ngoại ngữ

| TT        | Đối tượng                                                        | Tổng | Chia theo trình độ (khung năng lực ngoại ngữ quốc gia) |       |       |       |       |
|-----------|------------------------------------------------------------------|------|--------------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|
|           |                                                                  |      | Bậc 1                                                  | Bậc 2 | Bậc 3 | Bậc 4 | Bậc 5 |
| 1         | Ban giám hiệu/Ban giám đốc                                       |      |                                                        |       |       |       |       |
| 2         | Cán bộ quản lý<br>(Trưởng/Phó các Phòng,<br>Khoa, Tổ cấp trường) |      |                                                        |       |       |       |       |
| 3         | Nhà giáo cơ hữu                                                  |      |                                                        |       |       |       |       |
| 4         | Nhà giáo thỉnh giảng                                             |      |                                                        |       |       |       |       |
| 5         | Nhân viên, người lao động                                        |      |                                                        |       |       |       |       |
| TỔNG CỘNG |                                                                  |      |                                                        |       |       |       |       |

d) Về trình độ tin học

| TT        | Đối tượng                                                        | Tổng | Chia theo trình độ |               |          |         |                   |
|-----------|------------------------------------------------------------------|------|--------------------|---------------|----------|---------|-------------------|
|           |                                                                  |      | CNTT cơ bản        | CNTT nâng cao | Cao đẳng | Đại học | Chứng chỉ quốc tế |
| 1         | Ban giám hiệu/Ban giám đốc                                       |      |                    |               |          |         |                   |
| 2         | Cán bộ quản lý<br>(Trưởng/Phó các Phòng,<br>Khoa, Tổ cấp trường) |      |                    |               |          |         |                   |
| 3         | Nhà giáo cơ hữu                                                  |      |                    |               |          |         |                   |
| 4         | Nhà giáo thỉnh giảng                                             |      |                    |               |          |         |                   |
| 5         | Nhân viên, người lao động                                        |      |                    |               |          |         |                   |
| TỔNG CỘNG |                                                                  |      |                    |               |          |         |                   |

### III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

#### 1. Cơ sở vật chất hoạt động giáo dục nghề nghiệp

| TT  | Trụ sở hoạt động/Ngành nghề | Trình độ đào tạo | Địa chỉ | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> ) | Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> ) |                     |                 |          |          |           |
|-----|-----------------------------|------------------|---------|---------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|-----------------|----------|----------|-----------|
|     |                             |                  |         |                                 |                                      | Tổng                                | Phòng học lý thuyết | Xưởng thực hành | Thư viện | Sân TDTT | Ký túc xá |
| 1   | Trụ sở chính                |                  |         |                                 |                                      |                                     |                     |                 |          |          |           |
|     | Nghề 01                     |                  |         |                                 |                                      |                                     |                     |                 |          |          |           |
|     | Nghề ...                    |                  |         |                                 |                                      |                                     |                     |                 |          |          |           |
| 2   | Địa điểm đào tạo 01         |                  |         |                                 |                                      |                                     |                     |                 |          |          |           |
|     | Nghề 01                     |                  |         |                                 |                                      |                                     |                     |                 |          |          |           |
|     | Nghề ...                    |                  |         |                                 |                                      |                                     |                     |                 |          |          |           |
| ... |                             |                  |         |                                 |                                      |                                     |                     |                 |          |          |           |

#### 2. Kết quả công tác tuyển sinh hàng năm

| TT  | Tên nghề đào tạo | Trình độ đào tạo | Mã nghề | Quy mô tuyển sinh/năm | Kết quả tuyển sinh (ĐVT: người) |          |          |
|-----|------------------|------------------|---------|-----------------------|---------------------------------|----------|----------|
|     |                  |                  |         |                       | Năm 2019                        | Năm 2020 | Năm 2021 |
| 1   |                  |                  |         |                       |                                 |          |          |
| ... |                  |                  |         |                       |                                 |          |          |

### 3. Kết quả hoạt động đào tạo hàng năm

#### a. Tổng thể kết quả đào tạo

| TT  | Năm  | Quy mô đào tạo tại thời điểm 31/12 năm trước chuyển sang | Số lượng HSSV tốt nghiệp trong năm | Số lượng SVHS nghỉ học, bỏ học và bị xóa tên trong năm | Kết quả tuyển mới trong năm (tính đến 31/12) | Quy mô đào tạo tính đến 31/12 của năm |
|-----|------|----------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------|
| (1) | (2)  | (3)                                                      | (4)                                | (5)                                                    | (6)                                          | (7)=[(3)+(6)]-[(4)+(5)]               |
| 1   | 2019 |                                                          |                                    |                                                        |                                              |                                       |
| 2   | 2020 |                                                          |                                    |                                                        |                                              |                                       |
| 3   | 2021 |                                                          |                                    |                                                        |                                              |                                       |

#### b. Kết quả đào tạo theo từng nghề

| TT  | Tên nghề đào tạo | Trình độ đào tạo | Mã nghề | Kết quả tốt nghiệp hàng năm (ĐVT: người) |          |          |
|-----|------------------|------------------|---------|------------------------------------------|----------|----------|
|     |                  |                  |         | Năm 2019                                 | Năm 2020 | Năm 2021 |
| 1   |                  |                  |         |                                          |          |          |
| ... |                  |                  |         |                                          |          |          |

### IV. CÔNG TÁC LIÊN KẾT ĐÀO TẠO – KẾT HỢP DOANH NGHIỆP – HỢP TÁC QUỐC TẾ

### V. CÔNG TÁC CÔNG KHAI, MINH BẠCH CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

### VI. CÔNG TÁC ĐẢM BẢO CÁC ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP ĐƠN VỊ (Đối chiếu các điều kiện hiện tại, phân tích, so sánh tại thời điểm thành lập đơn vị, việc thực hiện các cam kết – nếu có)

### VII. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Mặt được, nguyên nhân
2. Hạn chế, nguyên nhân

### VIII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Ủy ban nhân dân Thành phố
2. Đối với Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân Q.Huyện

Nơi nhận:

- Sở LĐTBXH;
- .....;
- Lưu: VT,

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 2**

**Tiến độ thực hiện kiểm tra hoạt động Giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn  
Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022**

(Đính kèm Công văn số 7780/SLĐTBXH-GDNN ngày 04 tháng 3 năm 2022)

\*



**1. Tổ kiểm tra số 01: kiểm tra 10 đơn vị gồm:**

| TT | Tên đơn vị                                             | Địa chỉ                                                                                      | Ngày kiểm tra |
|----|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 1  | Trường CĐ Công nghệ Sài Gòn (địa điểm đào tạo)         | 4/9 Hoàng Dur Khương, P.12, Quận 10                                                          | 15/03/2022    |
| 2  | Trường CĐ Công thương Việt Nam (địa điểm đào tạo)      | Số 302A Vườn Lài, P.Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú                                                | 16/03/2022    |
| 3  | Trường CĐ thực hành FPT Polytechnic (địa điểm đào tạo) | Tòa nhà Innovation, lô 24, Công viên phần mềm Quang Trung, Quận 12                           | 17/03/2022    |
| 4  | Trường CĐ Viễn Đông                                    | Lô 2, Công viên phần mềm Quang Trung, Quận 12                                                | 18/03/2022    |
| 5  | Trường CĐ nghề Hoa Sen (địa điểm đào tạo)              | Lô 10, Công viên phần mềm Quang Trung, Quận 12                                               | 22/03/2022    |
| 6  | Trường CĐ Y Khoa Phạm Ngọc Thạch (địa điểm đào tạo)    | 4A, 6A, 8A Nguyễn Thái Sơn, P.3, Quận Gò Vấp                                                 | 23/03/2022    |
| 7  | Trường TCN Nhân lực quốc tế                            | 6 Phan Đình Giót, P.2, Quận Tân Bình                                                         | 24/03/2022    |
| 8  | Trường TC Kỹ thuật Nông nghiệp                         | 40 Đinh Tiên Hoàng, P.Đa Kao, Quận 1                                                         | 25/03/2022    |
| 9  | Trường TC Quốc tế Khôi Việt                            | 553/73 Nguyễn Kiệm, P.9, Quận Phú Nhuận (số mới 139 Hồng Hà)                                 | 29/03/2022    |
| 10 | Trường TC Y tế TW (địa điểm đào tạo)                   | - 11 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Quận 1<br>- 214/B6 Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 | 30/03/2022    |

**2. Tổ kiểm tra số 2: kiểm tra 10 đơn vị gồm:**

| TT | Tên đơn vị                                  | Địa chỉ                                                  | Ngày kiểm tra |
|----|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------|
| 1  | Trường TC Y khoa Pasteur (địa điểm đào tạo) | Số 217 Nơ Trang Long, P.12, Quận Bình Thạnh              | 31/03/2022    |
| 2  | Trường TC Nguyễn Tất Thành                  | 27A Nguyễn Oanh, P.17, Quận Gò Vấp                       | 01/04/2022    |
| 3  | Trung tâm GDNN - GDTX Quận Tân Bình         | 95/55 Trường Chinh, P.12, Quận Tân Bình                  | 05/04/2022    |
| 4  | Trung tâm GDNN - GDTX Quận Bình Tân         | 1014/88/5 Tân Kỳ Tân Quý, P.Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân | 06/04/2022    |

|    |                                      |                                                |            |
|----|--------------------------------------|------------------------------------------------|------------|
| 5  | Trung tâm dạy nghề Tiên Phát         | 80B/4B ấp 2, Xã An Phú Tây, Huyện Bình Chánh   | 07/04/2022 |
| 6  | Trung tâm dạy nghề lái xe Trường An  | Số 12/40/37 Ấp 5, xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn | 08/04/2022 |
| 7  | Công ty CP Đầu tư Quốc tế Thiên Khuê | 7 Trần Quang Diệu, , P.14, Quận 3              | 12/04/2022 |
| 8  | Công ty TNHH Thế Giới Móng tay       | 25 Võ Văn Tần, P.7, Quận 3                     | 13/04/2022 |
| 9  | Công ty TNHH Võ Dung                 | 173/20 Thành Thái, P.14, Quận 10               | 14/04/2022 |
| 10 | Công ty TNHH Dịch vụ Mailisa         | Số 81 Trần Huy Liệu, P.12, Quận Phú Nhuận      | 15/04/2022 |

### SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**Phụ lục 3**

**Danh sách các đơn vị thực hiện tự kiểm tra hoạt động giáo dục nghề nghiệp**  
(Đính kèm Công văn số 7780/SLĐT.BXH-GDNN ngày 04 tháng 3 năm 2022)

\*

| TT       | Tên đơn vị                                                  |
|----------|-------------------------------------------------------------|
| <b>A</b> | <b>KHỐI TRƯỜNG CAO ĐẲNG</b>                                 |
| 1        | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ                   |
| 2        | Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh                  |
| 3        | Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh    |
| 4        | Trường Cao đẳng Thủ Thiêm Thành phố Hồ Chí Minh             |
| 5        | Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh    |
| 6        | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh    |
| 7        | Trường Cao đẳng Bán công Công nghệ và Quản trị doanh nghiệp |
| 8        | Trường Cao đẳng Bách khoa Nam Sài Gòn                       |
| 9        | Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh               |
| 10       | Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.Hồ Chí Minh                  |
| 11       | Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức                           |
| 12       | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức                  |
| 13       | Trường Cao đẳng Kiến trúc - Xây dựng Tp.HCM                 |
| 14       | Trường Cao đẳng nghề Số 7 – Bộ Quốc phòng                   |
| 15       | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Quân                           |
| 16       | Trường Cao đẳng Quân Y II                                   |
| 17       | Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II                        |
| 18       | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao đẳng                           |
| 19       | Trường Cao đẳng Hàng Hải II                                 |
| 20       | Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II                 |
| 21       | Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương VI            |
| 22       | Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Đường thủy II            |
| 23       | Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II                                  |
| 24       | Trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh           |
| 25       | Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP.Hồ Chí Minh           |
| 26       | Trường Cao đẳng Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh              |
| 27       | Trường Cao đẳng Kinh tế đối ngoại                           |
| 28       | Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương III           |
| 29       | Trường Cao đẳng Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh             |
| 30       | Trường Cao đẳng Xây dựng TP.Hồ Chí Minh                     |

|          |                                                           |
|----------|-----------------------------------------------------------|
| 31       | Trường Cao đẳng CETANA PSB INTELLIS                       |
| 32       | Trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn                      |
| 33       | Trường Cao đẳng Sài Gòn                                   |
| 34       | Trường Cao đẳng Kinh tế - Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh |
| 35       | Trường Cao đẳng Việt Mỹ                                   |
| 36       | Trường Cao đẳng Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh             |
| 37       | Trường Cao đẳng Y dược Hồng Đức                           |
| 38       | Trường Cao đẳng Miền Nam                                  |
| 39       | Trường Cao đẳng Bách Việt                                 |
| 40       | Trường Cao đẳng Bình Minh Sài Gòn                         |
| 41       | Trường Cao đẳng Sài Gòn Gia Định                          |
| 42       | Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Sài Gòn     |
| 43       | Trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn                          |
| 44       | Trường Cao đẳng Quốc tế Kent                              |
| 45       | Trường Cao đẳng Bách Khoa Sài Gòn                         |
| 46       | Trường Cao đẳng Công nghệ thông tin Thành phố Hồ Chí Minh |
| 47       | Trường Cao đẳng An ninh mạng iSPACE                       |
| 48       | Trường Cao đẳng Văn Lang Sài Gòn                          |
| 49       | Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (phân hiệu Tp.HCM)     |
| 50       | Trường Cao đẳng Lương thực thực phẩm (phân hiệu Tp.HCM)   |
| 51       | Trường Cao đẳng Y dược Pasteur (địa điểm đào tạo)         |
| 52       | Trường Cao đẳng Dược Sài Gòn (địa điểm đào tạo)           |
| 53       | Trường Cao đẳng Y Dược Sài Gòn (địa điểm đào tạo)         |
| 54       | Trường Cao đẳng Quốc tế Sài Gòn (địa điểm đào tạo)        |
| <b>B</b> | <b>KHỐI TRƯỜNG TRUNG CẤP</b>                              |
| 1        | Trường TC Công đoàn                                       |
| 2        | Trường TCN Nhân Đạo                                       |
| 3        | Trường TCN Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương                  |
| 4        | Trường TC KT-KT Nguyễn Hữu Cánh                           |
| 5        | Trường TCN KT-NV Tôn Đức Thắng                            |
| 6        | Trường TC KT-KT Quận 12                                   |
| 7        | Trường TC Thông tin - Truyền thông Tp.HCM                 |
| 8        | Trường TC Trần Đại Nghĩa                                  |
| 9        | Trường TCN Bình Thạnh                                     |
| 10       | Trường TCN Củ Chi                                         |
| 11       | Trường TCN Quang Trung                                    |

|    |                                              |
|----|----------------------------------------------|
| 12 | Trường TC Bách nghệ Tp.HCM                   |
| 13 | Trường TCN Đông Sài Gòn                      |
| 14 | Trường TC Múa                                |
| 15 | Trường TC chuyên nghiệp Tôn Đức Thắng        |
| 16 | Trường TC Lê Thị Riêng                       |
| 17 | Trường TH KT Thực hành                       |
| 18 | Trường TCN tư thực Hoàn Cầu                  |
| 19 | Trường TCN tư thực Duy Tân                   |
| 20 | Trường TC Bến Thành                          |
| 21 | Trường TC Du lịch và Tiếp thị Quốc tế        |
| 22 | Trường TC Mai Linh                           |
| 23 | Trường TC Việt Úc                            |
| 24 | Trường TC Cửu Long                           |
| 25 | Trường TC Công nghệ Thông tin Sài Gòn        |
| 26 | Trường TC Vạn Tường                          |
| 27 | Trường TC Việt Giao                          |
| 28 | Trường TC Tổng hợp Đông Nam Á                |
| 29 | Trường TC Việt Khoa                          |
| 30 | Trường TC Bách Khoa Tp.HCM                   |
| 31 | Trường TCN Ngọc Phước                        |
| 32 | Trường TC Kỹ thuật - Kinh tế Sài Gòn 3       |
| 33 | Trường TC Quang Trung                        |
| 34 | Trường TC Tin học Kinh tế Sài Gòn            |
| 35 | Trường TC Tây Sài Gòn                        |
| 36 | Trường TC Bách Khoa Sài Gòn                  |
| 37 | Trường TC Sài Gòn                            |
| 38 | Trường TC Tổng hợp Tp.HCM                    |
| 39 | Trường TC Quốc tế Sài Gòn                    |
| 40 | Trường TC Hồng Hà                            |
| 41 | Trường TC Du lịch và Khách sạn Saigontourist |
| 42 | Trường TC Tổng hợp Sài Gòn                   |
| 43 | Trường TC Kinh tế - Du lịch Tp.HCM           |
| 44 | Trường TC Âu Việt                            |
| 45 | Trường TC Phương Nam                         |
| 46 | Trường TC Tây Nam Á                          |
| 47 | Trường TC Y Dược Vạn Hạnh                    |

|          |                                                         |
|----------|---------------------------------------------------------|
| 48       | Trường TC Giao thông Tiên Bộ                            |
| 49       | Trường TCN Suleco                                       |
| 50       | Trường TC Đại Việt Tp.HCM                               |
| 51       | Trường TC Bách Khoa Việt Mỹ                             |
| 52       | Trường TC Xây Dựng Công nghiệp                          |
| 53       | Trường TC KT-KT Nguyễn Tất Thành                        |
| 54       | Trường TCN Châu Hưng - Phân hiệu Tp.HCM                 |
| 55       | Trường TC Y Dược Lê Hữu Trác (cơ sở Tp.HCM)             |
| <b>C</b> | <b>KHỐI TRUNG TÂM GDNN - GDTX</b>                       |
| 1        | Trung tâm GDNN - GDTX Quận 1                            |
| 2        | Trung tâm GDNN - GDTX Quận 3                            |
| 3        | Trung tâm GDNN - GDTX Quận 4                            |
| 4        | Trung tâm GDNN - GDTX Quận 5                            |
| 5        | Trung tâm GDNN - GDTX Quận 6                            |
| 6        | Trung tâm GDNN - GDTX Quận 7                            |
| 7        | Trung tâm GDNN - GDTX Quận 8                            |
| 8        | Trung tâm GDNN - GDTX Quận 10                           |
| 9        | Trung tâm GDNN - GDTX Quận 11                           |
| 10       | Trung tâm GDNN - GDTX Quận 12                           |
| 11       | Trung tâm GDNN - GDTX Huyện Bình Chánh                  |
| 12       | Trung tâm GDNN - GDTX Quận Bình Thạnh                   |
| 13       | Trung tâm GDNN - GDTX Huyện Cần Giờ                     |
| 14       | Trung tâm GDNN - GDTX Huyện Củ Chi                      |
| 15       | Trung tâm GDNN - GDTX Quận Gò Vấp                       |
| 16       | Trung tâm GDNN - GDTX Huyện Hóc Môn                     |
| 17       | Trung tâm GDNN - GDTX Huyện Nhà Bè                      |
| 18       | Trung tâm GDNN - GDTX Quận Phú Nhuận                    |
| 19       | Trung tâm GDNN - GDTX Quận Tân Phú                      |
| 20       | Trung tâm GDNN - GDTX TP. Thủ Đức                       |
| <b>D</b> | <b>KHỐI TRUNG TÂM GDNN VÀ KHỐI CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG GDNN</b> |
| 1        | Trung tâm GDNN Kỹ Thuật Nghiệp Vụ Sài Gòn               |
| 2        | Trung tâm GDNN Mỹ nghệ Kim Hoàn                         |
| 3        | Trung tâm GDNN Tổng hợp TPHCM                           |
| 4        | Trung tâm GDNN Bình Nam                                 |
| 5        | Trung tâm GDNN lái xe Trường Vinh                       |
| 6        | Trung tâm GDNN Mê Kông                                  |

|    |                                                        |
|----|--------------------------------------------------------|
| 7  | Trung tâm GDNN Quốc tế Á Châu                          |
| 8  | Trung tâm GDNN lái xe Hóc Môn                          |
| 9  | Trung tâm GDNN lái xe Đại Phúc                         |
| 10 | Trung tâm GDNN lái xe Phú Mỹ Hưng                      |
| 11 | Trung tâm GDNN lái xe Thành Danh                       |
| 12 | Trung tâm GDNN lái xe Hoàng Thịnh                      |
| 13 | Trung tâm dạy nghề Doanh nhân và giám đốc PACE         |
| 14 | Trung tâm dạy nghề Mai Linh                            |
| 15 | Trung tâm dạy nghề tư thực thẩm mỹ Linh Chi            |
| 16 | Trung tâm dạy nghề tư thực đào tạo quản lý Hưng Đức    |
| 17 | Trung tâm dạy nghề Thẩm mỹ Nguyễn Hoàng                |
| 18 | Trung tâm dạy nghề tư thực viễn thông Sài Gòn          |
| 19 | Trung tâm dạy nghề Thái Sơn                            |
| 20 | Trung tâm dạy nghề thẩm mỹ Ba Lê                       |
| 21 | Trung tâm dạy nghề Tư thực nghệ thuật Bonsai Thanh Tâm |
| 22 | Trung tâm dạy nghề và Hỗ trợ Nông dân TPHCM            |
| 23 | Trung tâm dạy nghề lái xe Hiệp Phát                    |
| 24 | Trung tâm dạy nghề tư thực Hoàng Gia                   |
| 25 | Trung tâm dạy nghề tư thực Kỹ thuật nghiệp vụ Quý Đức  |
| 26 | Trung tâm dạy nghề tư thực lái xe Hải Nam              |
| 27 | Trung tâm dạy nghề và Giới thiệu việc làm II           |
| 28 | Trung tâm dạy nghề lái xe Hoàn Cầu                     |
| 29 | Trung tâm dạy nghề Nông nghiệp công nghệ cao           |
| 30 | Trung tâm dạy nghề tư thực lái xe Tiến Thắng           |
| 31 | Trung tâm dạy nghề tư thực Tiến Thành                  |
| 32 | Trung tâm dạy nghề bán công SàiGonTourist              |
| 33 | Trung tâm dạy nghề tư thực Truyền Thông                |
| 34 | Trung tâm dạy nghề cho người khuyết tật và trẻ mồ côi  |
| 35 | Trung tâm dạy nghề tư thực tin học Nguyễn Thông        |
| 36 | Trung tâm dạy nghề Đồng Tiến                           |
| 37 | Trung tâm dạy nghề Thành Đạt                           |
| 38 | Trung tâm dạy nghề tư thực Thành Công                  |
| 39 | Trung tâm dạy nghề và đào tạo lái xe Thiên Tâm         |
| 40 | Trung tâm dạy nghề Dân lập Tài Năng                    |
| 41 | Trung tâm dạy nghề tư thực Thanh Kinh                  |
| 42 | Trung tâm dạy nghề tư thực Tường Minh                  |

|     |                                                             |
|-----|-------------------------------------------------------------|
| 115 | Công ty TNHH Đào tạo nghề Why Not                           |
| 116 | Công ty TNHH Đào tạo nghề Wonhee Korea                      |
| 117 | Công ty TNHH Đào tạo nguồn nhân lực Hàng hải                |
| 118 | Công ty TNHH Đào tạo Quốc tế Trọng Điểm                     |
| 119 | Công ty TNHH Đào tạo thẩm mỹ Basic Hair                     |
| 120 | Công ty TNHH Đào tạo thẩm mỹ Cali                           |
| 121 | Công ty TNHH Đào tạo thẩm mỹ Hàn Quốc Meilleur              |
| 122 | Công ty TNHH Đào tạo Thẩm Mỹ Hoàng Anh                      |
| 123 | Công ty TNHH Đào tạo thẩm mỹ Kelly 2                        |
| 124 | Công ty TNHH Đào tạo thẩm mỹ Mainbeauty                     |
| 125 | Công ty TNHH Đào tạo và Dịch vụ Waren                       |
| 126 | Công ty TNHH Đào tạo và Thực nghiệm VMC                     |
| 127 | Công ty TNHH Đầu tư giáo dục Nguyễn Khang                   |
| 128 | Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Thanh Huyền          |
| 129 | Công ty TNHH dạy nghề thẩm mỹ chuyên nghiệp Bì Bì Thiên Nga |
| 130 | Công ty TNHH Dạy nghề Thanh Xuân                            |
| 131 | Công ty TNHH Dịch Vụ AKT                                    |
| 132 | Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Kiên Long                       |
| 133 | Công ty TNHH Dịch vụ đào tạo nghề Thẩm mỹ Thế Giới          |
| 134 | Công ty TNHH Dịch vụ Quốc Khánh                             |
| 135 | Công ty TNHH Digi Nexus Academy                             |
| 136 | Công ty TNHH Đồng Salon                                     |
| 137 | Công ty TNHH Ê SU HAI                                       |
| 138 | Công ty TNHH giáo dục phát triển Tài Năng                   |
| 139 | Công ty TNHH Hasu Asean                                     |
| 140 | Công ty TNHH hệ thống phân phối Toàn Cầu                    |
| 141 | Công ty TNHH Học viện đào tạo Kỹ năng vàng                  |
| 142 | Công ty TNHH Huấn luyện An toàn Kỹ thuật Miền Nam           |
| 143 | Công ty TNHH Hướng Nghiệp Tạo nghề SGP                      |
| 144 | Công ty TNHH Huy Blue                                       |
| 145 | Công ty TNHH Huyen Fashion                                  |
| 146 | Công ty TNHH Kalin                                          |
| 147 | Công ty TNHH Kay Group                                      |
| 148 | Công ty TNHH Lap Capital                                    |
| 149 | Công ty TNHH Linh Pang                                      |
| 150 | Công ty TNHH L'oreal Việt Nam                               |

|     |                                                                  |
|-----|------------------------------------------------------------------|
| 151 | Công ty TNHH Một thành viên Thương mại dịch vụ đào tạo Ngọc Ánh. |
| 152 | Công ty TNHH MTV 27/7                                            |
| 153 | Công ty TNHH MTV Á Châu Kim Long                                 |
| 154 | Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Công nghệ may Trường Quốc Thảo |
| 155 | Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật và Thương mại Hai Bốn Giờ      |
| 156 | Công ty TNHH MTV Đào tạo Thông Minh                              |
| 157 | Công ty TNHH MTV Dạy nghề Minh Yên                               |
| 158 | Công ty TNHH MTV Thẩm mỹ viện Thảo Vy                            |
| 159 | Công ty TNHH MTV Thương mại Đào tạo nghề Lan Chi                 |
| 160 | Công ty TNHH MTV Ứng dụng công nghệ mới và Du lịch               |
| 161 | Công ty TNHH New Gem Education                                   |
| 162 | Công ty TNHH Nhân lực ACM                                        |
| 163 | Công ty TNHH Nhật Huy Khang                                      |
| 164 | Công ty TNHH Phát Thành Giang                                    |
| 165 | Công ty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Viện Nghiên cứu                  |
| 166 | Công ty TNHH Proedu Việt Nam                                     |
| 167 | Công ty TNHH PTNNL Deloitte - Chi nhánh                          |
| 168 | Công ty TNHH Safety Care                                         |
| 169 | Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dạy Nghề LC                     |
| 170 | Công ty TNHH Shynh House                                         |
| 171 | Công ty TNHH Thẩm mỹ viện Úc Châu                                |
| 172 | Công ty TNHH Thẩm mỹ viện ULA                                    |
| 173 | Công ty TNHH The Caterers Academy                                |
| 174 | Công ty TNHH Thiên Việt Kỹ thuật                                 |
| 175 | Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dạy nghề Minh Trang              |
| 176 | Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Le Sam                           |
| 177 | Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Shimex Sài Gòn                   |
| 178 | Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Viên Mỹ                          |
| 179 | Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Công nghiệp Sao Việt            |
| 180 | Công ty TNHH Thương mại Sơn Thủy                                 |
| 181 | Công ty TNHH Thương mại Thanh Lan                                |
| 182 | Công ty TNHH Timona Academy                                      |
| 183 | Công ty TNHH Tin học KEY                                         |
| 184 | Công ty TNHH TM Nhất Hương                                       |
| 185 | Công ty TNHH TM DV ĐT Thẩm mỹ Mía                                |
| 186 | Công ty TNHH TM Lyan                                             |

|     |                                                                          |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|
| 187 | Công ty TNHH TM-DV làm đẹp Thảo Tây                                      |
| 188 | Công ty TNHH Tranh cát Ý Lan                                             |
| 189 | Công ty TNHH Tre Xanh                                                    |
| 190 | Công ty TNHH Trí tuệ Đất Việt                                            |
| 191 | Công ty TNHH Truyền thông và Giáo dục Thời trang Style Republik          |
| 192 | Công ty TNHH Tư vấn Giáo dục Đầu tư Việt Hàn Kanata                      |
| 193 | Công ty TNHH Tư vấn Liên Thông                                           |
| 194 | Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ Chuyên Việt.                              |
| 195 | Công ty TNHH Vàng bạc trang sức đá quý Hải Anh                           |
| 196 | Công ty TNHH Việt GAP                                                    |
| 197 | Công ty TNHH Viet Human Capital Mangagement Institute                    |
| 198 | Công ty TNHH Xây dựng và Hướng nghiệp Hoàng Nam                          |
| 199 | Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV                                 |
| 200 | Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam - CTCP                                  |
| 201 | Trung tâm đào tạo - Chi nhánh Tổng công ty Bến Thành - TNHH MTV          |
| 202 | Cơ Sở Dạy nghề Điện tử-Kỹ thuật Bách Khoa                                |
| 203 | Cơ sở Dạy nghề Thiện Tâm                                                 |
| 204 | Trung tâm Bảo trợ - Dạy nghề và Tạo việc làm TP.HCM                      |
| 205 | Trung tâm đào tạo - Khu công nghệ cao TPHCM                              |
| 206 | Trung tâm Đào tạo lái xe (CĐ GTVT TW III)                                |
| 207 | Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe (CĐ GTVT TW III)                    |
| 208 | Trung tâm Dịch vụ Việc làm TPHCM                                         |
| 209 | Trung tâm GDTX Gia Định                                                  |
| 210 | Trung tâm Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp TP                           |
| 211 | Trung tâm Kỹ năng Thực hành Cơ giới Giao thông Vận tải (CĐ GTVT TW III)  |
| 212 | Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp (ĐH SPKT TPHCM)                              |
| 213 | Trung tâm Ứng dụng Khoa học Công nghệ Giao thông Vận tải (CĐ GTVT TW VI) |
| 214 | Trường dạy nghề tư thực lái xe Bách Khoa                                 |
| 215 | Trường dạy nghề tư thực lái xe Cửu Long                                  |
| 216 | Trường dạy nghề tư thực lái xe Sài Gòn                                   |
| 217 | Trường dạy nghề tư thực lái xe Thăng Long                                |
| 218 | Trường dạy nghề tư thực lái xe Thế Giới                                  |
| 219 | Trường dạy nghề tư thực lái xe Thống Nhất                                |
| 220 | Trường dạy nghề tư thực TH - NN - QTKD LẠC VIỆT                          |
| 221 | Viện Khoa học An toàn Vệ sinh Lao động TPHCM                             |

## SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

